

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC MICHI VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC MICHI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MICHI VIETNAM ARCHITECTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MICHI ARCHITECTURE JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110364916

3. Ngày thành lập: 25/05/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 12 ngách 29 ngõ 51 đường Quang Tiến, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0931229389

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này; - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Thang máy, thang cuốn, Cửa cuốn, cửa tự động, Dây dẫn chống sét, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329

3.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: - Trát vữa bên trong và bên ngoài các công trình nhà và công trình xây dựng khác, bao gồm các nguyên liệu đánh bóng; - Lắp đặt cửa ra vào (loại trừ cửa tự động và cửa cuốn), cửa sổ, khung cửa ra vào, khung cửa sổ bằng gỗ hoặc bằng những vật liệu khác; - Lắp đặt thiết bị, đồ dùng nhà bếp, cầu thang và những hoạt động tương tự; - Lắp đặt thiết bị nội thất; - Hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: Làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được...; - Xếp, lợp, treo hoặc lắp đặt trong các toà nhà hoặc các công trình khác như: Lát sàn hoặc tường bằng gạch, bê tông, đá xẻ, gạch gốm; Lót ván sàn và các loại phủ sàn bằng gỗ khác; Thảm và tấm phủ sơn lót sàn, bao gồm bằng cao su và nhựa; Lát sàn hoặc ốp tường bằng gạch không nung, đá hoa, đá hoa cương (granit), đá phiến...; Giấy dán tường; - Sơn bên ngoài và bên trong công trình nhà; - Sơn các kết cấu công trình dân dụng; - Lắp gương, kính; - Làm sạch các toà nhà mới sau xây dựng; - Các công việc hoàn thiện nhà khác; - Lắp đặt nội thất các cửa hàng, nhà di động, thuyền	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc; Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước; Chống ẩm các toà nhà; Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối; Uốn thép; Xây gạch và đặt đá; Lợp mái các công trình nhà để ở; Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo; - Hoạt động thi công xây dựng các công trình (Khoản 32 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ - CP).	4390
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.	4649
6.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662

7.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh.	4663
8.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Việc cung cấp các dịch vụ không phải dạy học mà là hỗ trợ cho hệ thống hoặc quá trình giảng dạy: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên. - Dịch vụ tư vấn du học (Điều 106 Nghị định 46/2017/NĐ-CP)	8560
9.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
10.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

11.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa hình (Khoản 6, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình (Khoản 6, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Thiết kế quy hoạch xây dựng (Khoản 7, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Thiết kế kiến trúc công trình (Khoản 8, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Giám sát thi công xây dựng (Khoản 9, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Tư vấn lập Quy hoạch xây dựng các loại công trình xây dựng (Khoản 27, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng (Điều 150 Luật Xây dựng 2014); - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng (Chương VIII Luật Xây dựng 2014); - Tư vấn quản lý dự án (Điều 152 Luật Xây dựng 2014); - Khảo sát xây dựng (Điều 153 Luật Xây dựng 2014); - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (Điều 154 Luật Xây dựng 2014); - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng (Điều 155 Luật Xây dựng 2014); - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Điều 156 Luật Xây dựng 2014); - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật, thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy, tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy (Điều 9a Luật phòng cháy chữa cháy số 17/VBHN-VPQH năm 2013); - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông.	7110(Chính)
12.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
13.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
14.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm gỗ khác nhau, cụ thể: Cán, tay cầm của dụng cụ, cán chổi, cán bàn chải; Khuôn và nòng giày hoặc ủng, mắc áo; Đồ dùng gia đình và đồ dùng nấu bếp bằng gỗ; Tượng và đồ trang trí bằng gỗ, đồ khảm, trạm hoa văn bằng gỗ; Hộp, trap nhỏ đựng đồ trang sức quý và các vật phẩm tương tự bằng gỗ; - Sản xuất khung gương, khung tranh ảnh bằng gỗ.	1629

15.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
16.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự (Trừ hoạt động kinh doanh Bất động sản)	5510
17.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
18.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, tại địa điểm mà khách hàng yêu cầu như tiệc hội nghị cơ quan, doanh nghiệp, đám cưới, các công việc gia đình khác....	5621
19.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.	5629
20.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
21.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chi tiết: - Đồ đạc, gồm sứ, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng; - Máy móc và thiết bị sử dụng bởi những người nghiệp dư hoặc có sở thích riêng như các dụng cụ cho sửa chữa nhà; - Hoa và cây; - Thiết bị điện cho gia đình.	7729
22.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
23.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động việc làm (Không bao gồm hoạt động của các trung tâm việc làm) - Hoạt động dịch vụ việc làm (Theo Điều 14 Nghị định 23/2021/NĐ-CP)	7810
24.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
25.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (Điều 5 Nghị định số 29/2019/NĐ-CP)	7830
26.	Đại lý du lịch	7911

27.	Điều hành tua du lịch Chi tiết : - Hoạt động thu xếp, kết nối các tua đã được bán thông qua các đại lý du lịch hoặc trực tiếp bởi điều hành tua. Các tua du lịch có thể bao gồm một phần hoặc toàn bộ các nội dung: vận tải, dịch vụ lưu trú, ăn, tham quan các điểm du lịch như bảo tàng, di tích lịch sử, di sản văn hóa, nhà hát, ca nhạc hoặc các sự kiện thể thao. - Hoạt động hướng dẫn du lịch. - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Theo Khoản 1 Điều 31 Luật Du lịch năm 2017) ; - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (Theo Khoản 2 Điều 31 Luật Du lịch năm 2017)	7912
28.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
29.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
30.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
31.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
32.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
33.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
34.	Xây dựng nhà để ở	4101
35.	Xây dựng nhà không để ở	4102
36.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
37.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
38.	Xây dựng công trình điện	4221
39.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
40.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
41.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn; - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu	4229
42.	Xây dựng công trình thủy	4291
43.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
44.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
45.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời; - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).	4299
46.	Phá dỡ	4311

47.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: - Làm sạch mặt bằng xây dựng; - Hệ thống cấp thoát nước tại mặt bằng xây dựng; - Hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;	4312
48.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
49.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh	4752
50.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN CHUNG	thôn Chi Lai, Xã Trường Thành, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	45,000	0310900059 49	
			Tổng số	90.000	900.000.000	45,000		
2	ĐÌNH HOÀNG LONG	826 Trương Định, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	5,000	0010940003 25	
			Tổng số	10.000	100.000.000	5,000		
3	CAO VIỆT THI	Phòng 302 chung cư CT2, TDP Liên Cơ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	50,000	0250900176 03	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	50,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025090017603

Ngày cấp: 19/04/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Phòng 302 chung cư CT2, TDP Liên Cơ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: Phòng 302 chung cư CT2, TDP Liên Cơ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội